

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH PHÁT QUỐC TẾ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VINH PHÁT QUỐC TẾ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: VP INTER.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109014586

3. Ngày thành lập: 04/12/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 19 ngõ 2 Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0369232389

Fax:

Email:

Website: vinfastproject@gmail.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659(Chính)
2.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch; - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý...	7490
3.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
4.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Quảng cáo	7310
7.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Ủy thác xuất nhập khẩu - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh - Ủy thác mua bán hàng hóa	4610
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Trừ hoạt động đấu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác	4530
10.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
11.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Trừ thuốc lá ngoại	4711
12.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Trừ hoạt động đấu giá	4719

13.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
14.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
15.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Trừ hoạt động đấu giá	4511
16.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Trừ hoạt động đấu giá	4512
17.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Trừ hoạt động đấu giá	4513
18.	Bán mô tô, xe máy	4541
19.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
20.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Trừ hoạt động đấu giá phụ tùng mô tô, xe máy	4543
21.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
22.	Bán buôn thực phẩm	4632
23.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke	5510
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan - Giao nhận hàng hóa	5229
25.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4931
26.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
27.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
28.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
29.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
32.	Bốc xếp hàng hóa	5224
33.	Xây dựng nhà để ở	4101
34.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
35.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
36.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
37.	Phá dỡ	4311
38.	Chuẩn bị mặt bằng Không bao gồm dò mìn và các hoạt động tương tự tại mặt bằng xây dựng	4312
39.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

40.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Trang trí nội thất	7410
41.	Hoạt động tư vấn quản lý Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, chứng khoán và hôn nhân có yếu tố nước ngoài	7020
42.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
43.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
44.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
45.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
46.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
47.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Trừ bán buôn vàng	4662
48.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
49.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
50.	Bán buôn tổng hợp Trừ dược phẩm và các loại Nhà nước cấm	4690
51.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
52.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
53.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
54.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
55.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
56.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
57.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
58.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
59.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
60.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
61.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
62.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
63.	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe	3020
64.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
65.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) Trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2817
66.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822

67.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
68.	In ấn Trừ loại Nhà nước cấm	1811
69.	Dịch vụ liên quan đến in Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật	1812
70.	Xây dựng nhà không để ở	4102
71.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

6. Vốn điều lệ: 1.899.690.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 189.969

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN PHÒNG	Thôn Trung Cầu, Xã Yên Nghĩa, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	22.797	227.970.000	12,000	163382798	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	22.797	227.970.000	12,000		

2	TRẦN VĂN TUẤN	Thôn Trung Cầu, Xã Yên Nghĩa, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	36.094	360.940.000	19,000	163382815
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	36.094	360.940.000	19,000	
3	TRẦN CÔNG HUÂN	Xóm 6, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	131.078	1.310.780.000	69,000	036084000009
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	131.078	1.310.780.000	69,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **TRẦN CÔNG HUÂN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *21/10/1984*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *036084000009*

Ngày cấp: *14/11/2012*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 6, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 12 Ngách 9/2 Tổ dân phố số 03, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội